

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH PHƯỚC

Số: 320/QĐ-CĐBP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 25 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp**  
**của Trường Cao đẳng Bình Phước**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH PHƯỚC**

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Bình Phước, ban hành kèm theo Quyết định số 111/QĐ-CĐBP ngày 22/5/2023 của Trường Cao đẳng Bình Phước;

Căn cứ Thông tư số 07/2023/TT-BGDDT ngày 10/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

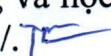
Căn cứ Biên bản họp ngày 22/8/2023 của Hội đồng Khoa học và đào tạo, Trường Cao đẳng Bình Phước;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp của Trường Cao đẳng Bình Phước.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Khối Giáo dục nghề nghiệp áp dụng các khóa khai giảng từ tháng 04/2022; ngành Giáo dục mầm non áp dụng các khóa khai giảng từ tháng 9/2023. Quyết định này thay thế cho các Quyết định trước đây về ban hành quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp Trường Cao đẳng Bình Phước.

**Điều 3.** Ban Giám hiệu; các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn, các tổ chức Đoàn thể, viên chức, người lao động và học sinh, sinh viên trong nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
  - UBND tỉnh;
  - Sở LĐ-TBXH, Sở GD&ĐT;
  - Đăng Website Trường;
  - Lưu: VT, PDT.
- 



*Nguyễn Bích Liên*



## QUY CHẾ

### Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng

(Ban hành theo Quyết định số: 320/QĐ-CĐBP ngày 25 tháng 8 năm 2023  
của Trường Cao đẳng Bình Phước)

## Phần I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về đào tạo theo niêm chế ở các trình độ cao đẳng, trung cấp khối Giáo dục nghề nghiệp; trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non. Quy chế này được áp dụng ở Trường Cao đẳng Bình Phước bao gồm: Chương trình đào tạo và thời gian học tập, phương thức tổ chức đào tạo, hình thức đào tạo, liên kết đào tạo; lập kế hoạch và tổ chức dạy học; đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp; những quy định khác đối với học sinh, sinh viên.

### Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đào tạo theo niêm chế là phương thức tổ chức đào tạo theo năm học với lớp học tương đối cố định đối với tất cả các học phần bắt buộc của chương trình đào tạo trong toàn khóa học, cho phép học sinh, sinh viên cùng lớp thực hiện theo một kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu chung, thống nhất trừ những học phần tự chọn hoặc học lại.

2. Đào tạo trực tuyến là hình thức dạy học cho phép thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng trên môi trường Internet để thay thế việc dạy học trực tiếp tại các địa điểm đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Việc đào tạo trực tuyến được thực hiện linh hoạt về địa điểm do Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào điều kiện thực tế quyết định nhưng phải đáp ứng các điều kiện cho việc đào tạo để bảo đảm chất lượng theo quy định.

3. Học sinh là đối tượng trúng tuyển và nhập học ở trình độ trung cấp; sinh viên là đối tượng trúng tuyển và nhập học ở trình độ cao đẳng.

## Phần II

### ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

### Điều 3. Chương trình đào tạo và thời gian học tập

1. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học hoặc học phần (sau đây gọi chung là học phần). Chương trình đào tạo thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp. Hiệu trưởng tổ chức xây

dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo để sử dụng làm chương trình đào tạo của nhà trường, bảo đảm tuân thủ các quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà học sinh, sinh viên đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (GDMN) theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng sinh viên khác nhau. Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận, hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong chương trình đào tạo trước.

3. Chương trình đào tạo được công khai đối với sinh viên trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho sinh viên.

4. Đối với mỗi hình thức đào tạo, chương trình đào tạo cần cung cấp kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá để định hướng cho sinh viên.

a) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với hình thức đào tạo chính quy là 3 năm;

b) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 3,6 năm;

c) Thời gian học tập để sinh viên hoàn thành khóa học không quá 6 năm đối với hình thức chính quy và không quá 7,2 năm đối với hình thức vừa làm vừa học.

#### **Điều 4. Phương thức tổ chức đào tạo**

1. Sinh viên được đánh giá đạt tiến độ học tập bình thường sẽ được học tiếp năm sau theo kế hoạch học tập chuẩn và đăng ký học lại những học phần chưa đạt theo quy định trong chương trình đào tạo.

2. Sinh viên được đánh giá không đạt tiến độ học tập bình thường sẽ phải học cùng sinh viên khóa sau để học lại các học phần chưa đạt theo quy định trong chương trình đào tạo.

#### **Điều 5. Hình thức đào tạo**

##### **1. Đào tạo chính quy:**

a) Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại 3 cơ sở đào tạo của nhà trường; Riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài nhà trường;

b) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy từ 07 giờ đến 17 giờ các ngày trong tuần từ thứ Hai đến thứ Bảy; thời gian tổ chức những hoạt động đặc thù của chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch riêng của nhà trường.

##### **2. Đào tạo vừa làm vừa học:**

a) Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại 3 cơ sở đào tạo của nhà



trường hoặc tại cơ sở liên kết đào tạo theo quy định liên kết đào tạo tại Điều 6 của Quy chế này, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài cơ sở đào tạo, cơ sở liên kết đào tạo;

b) Thời gian, địa điểm tổ chức hoạt động dạy học theo thời khóa biểu cụ thể cho từng lớp nhưng không bắt đầu trước 6 giờ và kết thúc sau 22 giờ.

#### **Điều 6. Liên kết đào tạo**

1. Thực hiện theo Điều 5 Thông tư 07/2023/BGDDT ngày 10/4/2023 về ban hành Quy chế đào tạo trình độ ngành Giáo dục Mầm non.

2. Việc bồi dưỡng nghiệp vụ Giáo viên Mầm non được thực hiện theo:

- Thông tư số 19/2019/TT-BGDDT ngày 12/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên;

- Thông tư số 12/2019/TT-BGDDT ngày 26/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên Mầm non;

- Thông tư số 17/2022/TT-BGDDT ngày 05/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên ban hành kèm theo Thông tư số 19/2019/TT-BGDDT;

- Công văn số 2381/BGDDT-NGCBQLGD ngày 07/01/2020 về việc thực hiện nhiệm vụ của Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025.

#### **Điều 7. Kế hoạch giảng dạy và học tập**

Kế hoạch giảng dạy và học tập chi tiết hóa việc tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo theo năm học, học kỳ, phù hợp với hình thức đào tạo và phương thức tổ chức đào tạo.

1. Trước khi bắt đầu năm học, phòng Đào tạo chủ trì, các khoa phối hợp xây dựng kế hoạch giảng dạy và học tập để thông báo cho sinh viên.

2. Kế hoạch năm học thể hiện những mốc thời gian chính của các hoạt động đào tạo trong năm học cho tất cả hình thức, chương trình đào tạo, được công bố kịp thời tới các bên liên quan trước khi bắt đầu năm học. Một năm học có 02 học kỳ chính với tổng số tối thiểu 30 tuần lên lớp. Ngoài các học kỳ chính, nhà trường tổ chức thêm 01 học kỳ phụ tối thiểu là 04 tuần (nếu có sinh viên phải học lại).

3. Kế hoạch học kỳ bao gồm kế hoạch mở lớp, hình thức dạy và học (trực tiếp hoặc trực tuyến), lịch học, lịch thi của các học phần được tổ chức trong học kỳ cho các khoá học, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo. Kế hoạch học kỳ phải được xây dựng và công bố kịp thời với đầy đủ thông tin cần thiết, bảo đảm thuận

tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập.

4. Khoa xếp thời khóa biểu phải đảm bảo các điều kiện: thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp thuộc các khoá học, hình thức và chương trình đào tạo. Thời khóa biểu của các lớp đảm bảo:

a) Chính quy học các ngày từ thứ Hai đến thứ Bảy hàng tuần; thời gian buổi sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ;

b) Vừa làm vừa học trong hè từ thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần thời gian buổi sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ; trong năm học học thứ Bảy và Chủ nhật thời gian buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ;

c) Thời khóa biểu của các lớp học phần bình thường được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày;

d) Đối với những trường hợp khác có thể xếp thời khóa biểu linh hoạt theo thực tế và được Hiệu trưởng phê duyệt.

#### **Điều 8. Tổ chức giảng dạy và học tập**

##### 1. Yêu cầu về tổ chức giảng dạy và học tập:

a) Bảo đảm đội ngũ giảng viên cơ hữu đủ số lượng, tiêu chuẩn theo quy định; phân công giảng viên tham gia giảng dạy phù hợp với quy định về chế độ làm việc của giảng viên;

b) Phát huy vai trò chủ động đồng thời đề cao trách nhiệm của sinh viên, tạo điều kiện và động lực để sinh viên nỗ lực học tập; giữ vững kỷ cương học đường, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo;

c) Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành quy định riêng về thanh tra, giám sát nội bộ dựa trên thu thập, đánh giá ý kiến phản hồi của sinh viên để nâng cao chất lượng đào tạo qua từng khóa;

d) Khoa Sư phạm và Khoa học cơ bản tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành quy định riêng chi tiết về mục đích, nội dung, địa điểm, hình thức hoạt động thực hành, thực tập sư phạm, việc tổ chức thực hành, thực tập sư phạm và đánh giá hoạt động thực hành, thực tập sư phạm đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành về thực hành, thực tập sư phạm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

##### 2. Dạy và học trực tuyến:

a) Nhà trường được tổ chức các lớp học hình thức trực tuyến khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học hình thức trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học hình thức trực tiếp;

b) Đối với đào tạo theo hình thức chính quy và vừa làm vừa học, tối đa 30%

tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Nhà trường thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 3. Quy định về giảng dạy và học tập:

a) Việc phân công giảng viên cho các lớp học, giảng viên giảng dạy, giảng viên hướng dẫn thực hành, thực tập, khóa luận và các hoạt động học tập khác do Khoa Sư phạm-Khoa học cơ bản thực hiện và đảm bảo các quy định hiện hành;

b) Việc lấy ý kiến phản hồi tốt nghiệp về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với tất cả các lớp học của cơ sở đào tạo và việc công khai ý kiến phản hồi của sinh viên được thực hiện 01 lần/năm do Phòng Đào tạo (bộ phận Công tác học sinh, sinh viên) đối với tất cả các lớp học của nhà trường bao gồm nội dung, mức độ, hình thức công khai;

c) Khoa Sư phạm và Khoa học cơ bản tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành quy định về trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên được phân công hoặc hướng dẫn sinh viên; trách nhiệm của các đơn vị hỗ trợ liên quan;

d) Khoa Sư phạm và Khoa học cơ bản tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành quy định về trách nhiệm và quyền hạn của sinh viên khi tham dự lớp học, tham gia thực hành hoặc khi được giao thực tập, khóa luận và các hoạt động học tập khác.

## **Điều 9 . Đánh giá và tính điểm học phần**

1. Đối với mỗi học phần, kết quả học tập của sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần . Đối với các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có một điểm đánh giá. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi bảo đảm trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần.

2. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

3. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân.

### 4. Học lại, thi và cải thiện điểm:

a) Sinh viên có điểm học phần không đạt (dưới 5.0) phải đăng ký học lại và đóng học phí theo quy định của nhà trường, sau khi học lại sinh viên được dự thi 02 lần; điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần;

b) Sinh viên đã có điểm học phần đạt được đăng ký học lại 01 (nếu có nhu cầu) lần để cải thiện điểm và đóng học phí như sinh viên học lại, điểm chính thức của học phần là điểm cao nhất trong các lần học.

5. Phòng Đào tạo (bộ phận Khảo thí) tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành Quy chế về thi, kiểm tra, đánh giá; Quy định về đánh giá và tính điểm học phần, thi xét và công nhận tốt nghiệp;

a) Giảng viên tổ chức đánh giá quá trình học tập, trải nghiệm của sinh viên, bao gồm cả các hoạt động thí nghiệm, thực hành, làm bài tập, trình bày báo cáo bằng điểm số làm tròn thang điểm 10 như một thành phần của học phần;

b) Phòng Đào tạo phối hợp với khoa Sư phạm và Khoa học cơ bản tổ chức thi kết thúc học phần bao gồm quy định về thời gian ôn thi và thời gian thi, việc làm đề thi, coi thi, chấm thi, phúc tra (nếu có), bảo quản bài thi, việc hoãn thi và miễn thi;

c) Phòng Đào tạo phối hợp với khoa Sư phạm và Khoa học cơ bản tổ chức đánh giá các học phần, khóa luận, thực hành và thực tập và các học phần đặc thù khác.

6. Việc đánh giá và tính điểm học phần phải phù hợp các nguyên tắc và yêu cầu như sau:

a) Nghiêm túc, khách quan, tin cậy và trung thực;

b) Công bằng đối với tất cả sinh viên trong lớp, giữa các lớp, các khoá học và các hình thức đào tạo.

#### **Điều 10. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học**

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khóa học;

b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

c) Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học), hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

2. Điểm trung bình học kỳ là điểm trung bình chung những học phần sinh viên đã học trong học kỳ; điểm trung bình năm học là điểm trung bình chung những học phần sinh viên đã học trong năm học; điểm trung bình tích lũy là điểm trung bình chung những học phần sinh viên đã học từ đầu khóa học. Các điểm này được tính theo điểm chính thức học của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó tính theo thang điểm 10 và làm tròn 01 chữ số thập phân.

3. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy gọi là xếp loại học lực học kỳ, năm học và toàn khóa như sau:



Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc;

Từ 8,0 đến 8,9: Giỏi;

Từ 7,0 đến 7,9: Khá;

Từ 5,0 đến 6,9: Trung bình;

Từ 4,0 đến 4,9: Yếu;

Dưới 4,0: Kém.

4. Xếp loại học lực học kỳ, năm học và toàn khóa của sinh viên đạt từ loại Giỏi trở lên sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Khối lượng các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định trong học kỳ, năm học hoặc toàn khóa;

b) Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

#### **Điều 11. Xử lý kết quả học tập**

1. Cuối mỗi năm học, sinh viên được đánh giá đạt tiền độ học tập bình thường và được học tiếp lên năm học sau nếu đạt cả hai điều kiện sau:

a) Điểm trung bình năm học đạt từ 5,0 trở lên;

b) Số tín chỉ nợ đọng không quá 16 đơn vị tín chỉ tính từ đầu khóa.

2. Sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:

a) Điểm trung bình năm học 4,0;

b) Thời gian học tập vượt quá giới hạn theo Điều 3 của quy chế này;

c) Quá 2 lần cảnh báo kết quả học tập trong khóa học;

3. Cuối mỗi học kỳ chính sinh viên được cảnh báo học tập dựa trên một trong số các điều kiện sau:

a) Điểm trung bình học kỳ dưới 4,0;

b) Thời gian học tập vượt quá quy định theo Điều 3 của Quy chế này;

c) Số tín chỉ nợ đọng vượt quá 5% tổng số tín chỉ trong học kỳ;

d) Phòng Đào tạo căn cứ kết quả học tập của sinh viên theo các điểm a, b, c, khoản 3 Điều này gửi cảnh báo lần 1. Với những sinh viên cảnh báo lần 1 khoa Sư phạm và Khoa học cơ bản có trách nhiệm hướng dẫn để sinh viên lập kế hoạch học tập cải thiện kết quả học tập theo quy định;

e) Sau khi nhà trường tổ chức kế hoạch học tập cải thiện cho sinh viên được cảnh báo lần 1, kết quả sinh viên vẫn vi phạm tại các điểm a, b, c khoản 3 Điều này; phòng Đào tạo sẽ gửi cảnh báo lần 2. Với những sinh viên cảnh báo lần 2 phòng Đào tạo phối hợp khoa Sư phạm và Khoa học cơ bản gửi giấy thông báo kết quả học tập của sinh viên tới gia đình.

4. Việc buộc thôi học sẽ do phòng Đào tạo phối hợp với các đơn vị, cá nhân liên quan tham mưu cho Hiệu trưởng ra Quyết định buộc thôi học đồng thời thông

BẢN NHÃN

báo cho sinh viên và gia đình.

### **Điều 12. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp**

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:
  - a) Tích lũy đủ học phần, và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
  - b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
  - c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
2. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với cơ sở đào tạo.
3. Xếp hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khóa theo như khoản 3, Điều 10 Quy chế này, trong đó hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu:
  - a) Khối lượng các học phần học lại vượt quá 5% tổng số đơn vị tín chỉ quy định cho toàn khóa;
  - b) Sinh viên bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.
4. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục thể chất hoặc Giáo dục quốc phòng và an ninh hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 02 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.
5. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo.

### **Điều 13. Nghỉ học tạm thời, thôi học**

1. Sinh viên được xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:
  - a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;
  - b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;
  - c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;
  - d) Vì lý do cá nhân khác nhưng đã phải học tối thiểu 01 học kỳ ở cơ sở đào tạo và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.
2. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức. Thời gian bảo lưu kết quả học tập không quá 5 năm tính từ

khi dừng chương trình học tập và không tính vào thời gian tối đa hoàn thành khóa học. Sinh viên có nhu cầu bảo lưu kết quả học tập phải có đơn đề nghị nhà trường xem xét, quyết định.

3. Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành quy định cụ thể về điều kiện, thẩm quyền, thủ tục xét nghỉ học tạm thời, tiếp nhận trở lại học và cho thôi học, việc bảo lưu và công nhận kết quả học tập đã tích lũy đối với sinh viên xin thôi học.

#### **Điều 14. Chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức học**

1. Sinh viên được xem xét chuyển cơ sở đào tạo khi có đủ các điều kiện sau:
  - a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập;
  - b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;
  - c) Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
  - d) Được sự đồng ý của thủ trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và cơ sở đào tạo xin chuyển đến.
2. Sinh viên được xem xét chuyển từ đào tạo theo hình thức chính quy sang hình thức vừa làm vừa học của cơ sở đào tạo nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định đối với hình thức đào tạo của nơi chuyển đến.
3. Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành quy định cụ thể về điều kiện, thẩm quyền, thủ tục chuyển cơ sở đào tạo hoặc chuyển hình thức học; việc công nhận kết quả học tập hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy cho sinh viên thuộc các trường hợp này.

#### **Điều 15. Trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo**

Thực hiện theo Điều 17 Thông tư số 07/2023/TT-BGDĐT.

#### **Điều 16. Đào tạo đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên**

Thực hiện theo Điều 18 Thông tư 07/2023/TT-BGDĐT.

#### **Điều 17. Xử lý vi phạm đối với sinh viên**

Thực hiện theo Điều 19 Thông tư 07/2023/BGDĐT.

### **Phần III**

## **ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, CAO ĐẲNG KHÓI GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

#### **Điều 18. Chương trình và thời gian đào tạo**

1. Chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

b) Chương trình đào tạo phải được công khai đối với học sinh, sinh viên trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học. Những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho học sinh, sinh viên.

2. Thời gian đào tạo là thời gian để học sinh, sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo cụ thể và đủ điều kiện để nhận bằng tốt nghiệp tương ứng với chương trình đào tạo đó, cụ thể:

a) Thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo niêm chế đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên là 2 năm học ;

b) Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng theo niêm chế đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp trung cấp và có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định là 3 năm học;

3. Thời gian tối đa để học sinh, sinh viên hoàn thành chương trình

a) Thời gian tối đa để học sinh, sinh viên hoàn thành chương trình bao gồm thời gian học các môn học, mô-đun và thời gian thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp do hiệu trưởng quyết định, bảo đảm không vượt quá 1,5 lần thời gian đào tạo đối với chương trình từ hai đến ba năm học (3 -4,5 năm), không vượt quá 02 lần (2-3 năm) thời gian đào tạo đối với chương trình từ một đến dưới hai năm học, không bao gồm thời gian bảo lưu quy định cụ thể:

- Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều động thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia phòng chống thiên tai, dịch bệnh; tham gia các kỳ thi, giải thi đấu quốc tế;

- Vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị, có giấy xác nhận của cơ sở y tế nơi khám, điều trị hoặc có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật;

- Chuyển nơi học từ trường này sang trường khác cùng ngành nghề đào tạo mà thời gian học ở trường khác có sự khác nhau về tiến độ;

- Tham gia chương trình, dự án đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng hoặc do điều kiện, hoàn cảnh gia đình buộc phải dừng học tập;

- Trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn;

- Bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng chưa có kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức buộc thôi học;

b) Hiệu trưởng có thể xem xét, quyết định kéo dài thời gian đào tạo tối đa đối với các trường hợp học sinh, sinh viên có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật.

4. Thời gian tổ chức giảng dạy, học tập tùy thuộc vào điều kiện và hoàn cảnh thực tế được quy định cụ thể trong quy chế đào tạo của Trường, do hiệu trưởng quyết định, đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Thời gian giảng dạy, học tập được thực hiện trong thời gian từ 7 giờ đến 22 giờ hằng ngày, bao gồm cả ngày thứ Bảy và Chủ nhật, trừ các nội dung học tập đặc thù phải giảng dạy ngoài thời gian này mới đủ điều kiện thực hiện;

b) Thời gian giảng dạy, học tập bằng hình thức trực tuyến được thực hiện linh hoạt tùy theo điều kiện và hoàn cảnh thực tế của từng trường, do Hiệu trưởng quyết định;

c) Thời gian giảng dạy, thực hành, thực tập tại doanh nghiệp được thực hiện theo thỏa thuận giữa nhà trường và doanh nghiệp nhưng phải đảm bảo quy định của pháp luật về thời gian làm việc.

5. Thời gian học khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông hoặc chương trình giáo dục trung học phổ thông theo hình thức giáo dục thường xuyên không tính vào thời gian đào tạo nghề.

### **Điều 19. Địa điểm đào tạo**

1. Địa điểm đào tạo được thực hiện tại trường, phân hiệu của Trường, các địa điểm liên kết đào tạo theo quy định tại Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; tổ chức cho học sinh, sinh viên học tập, thực hành và thực tập tại doanh nghiệp trong và ngoài nước thông qua hợp đồng với doanh nghiệp theo quy định tại khoản 6 Điều 23 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

2. Việc đào tạo trực tuyến được thực hiện linh hoạt về địa điểm do hiệu trưởng các trường căn cứ vào điều kiện thực tế quyết định nhưng phải đáp ứng các điều kiện cho việc đào tạo để bảo đảm chất lượng theo quy định.

### **Điều 20. Kế hoạch đào tạo**

1. Căn cứ vào khối lượng học tập của chương trình đào tạo, hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch phân bổ số môn học, mô-đun cho từng học kỳ, năm học. Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa xây dựng kế hoạch trình Hiệu trưởng phê duyệt và thông báo cho học sinh, sinh viên trước khi bắt đầu năm học.

2. Trước khi bắt đầu khóa học, trường phải công bố công khai kế hoạch đào tạo đối với khóa học đó. Kế hoạch đào tạo cho từng khóa học, năm học phải thể hiện: Thời gian, hoạt động của chương trình đào tạo; thời điểm bắt đầu và kết thúc mỗi học kỳ, năm học, khóa học; thời gian, thời lượng đào tạo các môn học, mô-đun trong chương trình; thời gian học lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch tổ chức

các hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có); thời gian thi hết môn học, mô-đun, thi tốt nghiệp; thời gian nghỉ hè, lễ tết, khai giảng, bế giảng; thời gian học tập ngoại khóa và các nội dung khác.

3. Trường hợp đào tạo trực tuyến thì kế hoạch đào tạo phải quy định cụ thể các nội dung, môn học, mô-đun đào tạo bằng hình thức trực tuyến.

### **Điều 21. Đăng ký nhập học**

1. Khi đăng ký nhập học học sinh, sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Giấy tờ khi học sinh, sinh viên nhập học phải được quản lý tại đơn vị thuộc trường hoặc được số hóa để quản lý bằng các phần mềm quản lý đào tạo nếu có.

2. Học sinh, sinh viên được tổ chức thành các lớp học theo các chương trình đào tạo và ngành nghề đào tạo cụ thể, phù hợp với từng hình thức tổ chức đào tạo do Hiệu trưởng quyết định.

3. Học sinh, sinh viên được cấp thẻ học sinh, sinh viên để thuận tiện cho quản lý, theo dõi trong quá trình đào tạo.

4. Trường phải cung cấp đầy đủ thông tin cho học sinh, sinh viên về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của học sinh, sinh viên.

### **Điều 22. Chuyển ngành, nghề đào tạo**

1. Học sinh, sinh viên được chuyển ngành, nghề đào tạo đang học sang học một ngành, nghề đào tạo khác của trường.

2. Điều kiện chuyển ngành, nghề, nghề đào tạo được quy định như sau:

a) Học sinh, sinh viên có đơn đề nghị chuyển đổi ngành, nghề đào tạo;

b) Ngành, nghề đào tạo dự kiến sẽ chuyển sang học phải có cùng hình thức tuyển sinh và các tiêu chí tuyển sinh bằng hoặc thấp hơn so với tiêu chí tuyển sinh của ngành, nghề đào tạo đang học;

c) Việc chuyển đổi ngành, nghề đào tạo phải được thực hiện ngay trong học kỳ đầu tiên của chương trình;

d) Không trong thời gian tạm dừng chương trình đang học, điều chỉnh tiến độ học, bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

### **Điều 23. Học cùng lúc hai chương trình**

1. Điều kiện học cùng lúc hai chương trình

a) Học sinh, sinh viên có đơn đề nghị học cùng lúc hai chương trình;

b) Đã học xong học kỳ thứ nhất đối với chương trình có thời gian thực hiện từ một đến hai năm học, đã học xong học kỳ hai đối với chương trình có thời

gian thực hiện trên hai năm học. Kết quả học tập của từng học kỳ đã hoàn thành ở chương trình thứ nhất phải đạt loại khá trở lên;

c) Không trong thời gian tạm dừng chương trình đang học, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Học sinh, sinh viên thuộc diện phải điều chỉnh tiến độ học hoặc bị buộc thôi học ở chương trình thứ nhất thì bị buộc thôi học chương trình thứ hai.

#### **Điều 24. Tạm dừng chương trình và bảo lưu kết quả học tập**

1. Bảo lưu kết quả học tập là việc nhà trường giữ nguyên kết quả học sinh, sinh viên đã học và thi đạt yêu cầu đối với các môn học, mô-đun trong một khoảng thời gian nhất định khi học sinh, sinh viên được tạm dừng chương trình đào tạo. Kết quả học tập các môn học, mô-đun bảo lưu được tính khi xếp loại kết quả học tập và đánh giá xếp loại tốt nghiệp.

2. Học sinh, sinh viên được tạm dừng chương trình đang học và được bảo lưu kết quả học tập nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều động thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia phòng chống thiên tai, dịch bệnh; tham gia các kỳ thi, giải thi đấu quốc tế;

b) Vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị, có giấy xác nhận của cơ sở y tế nơi khám, điều trị hoặc có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật;

c) Chuyển nơi học từ trường này sang trường khác cùng ngành nghề đào tạo mà thời gian học ở trường khác có sự khác nhau về tiến độ;

d) Tham gia chương trình, dự án đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng hoặc do điều kiện, hoàn cảnh gia đình buộc phải dừng học tập;

đ) Trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn;

e) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng chưa có kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức buộc thôi học.

3. Thời gian được bảo lưu kết quả học tập không quá 5 năm tính từ khi dừng chương trình học tập và không tính vào thời gian tối đa hoàn thành khóa học. Học sinh, sinh viên có nhu cầu được bảo lưu kết quả học tập phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định.

4. Học sinh, sinh viên được tạm hoãn học môn học, mô-đun theo kế hoạch đào tạo của trường và phải hoàn thành môn học, mô-đun đó trong quỹ thời gian tối đa hoàn thành chương trình nếu thuộc một hoặc các trường hợp sau:

a) Vì lý do sức khỏe không đảm bảo để học môn học, mô-đun đó và có giấy xác nhận của cơ sở y tế nơi khám hoặc điều trị;

b) Có lý do khác không thể tham gia học môn học, mô-đun đó, kèm theo minh chứng cụ thể và phải được hiệu trưởng chấp thuận;

5. Thời gian nghỉ học tạm thời được tính vào thời gian tối đa để học sinh, sinh viên hoàn thành chương trình học.

### **Điều 25. Công nhận và miễn trừ nội dung học tập**

#### 1. Công nhận kết quả học tập

a) Kết quả học tập của học sinh, sinh viên đã tích lũy từ một chương trình đào tạo khác, trình độ đào tạo khác hoặc từ một trường khác trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp được xem xét công nhận trong chương trình đào tạo đang theo học không phân biệt hình thức đào tạo trực tiếp hay trực tuyến, cụ thể: Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học, mô-đun trong trường hợp đã học, đã thi kết thúc môn học, mô-đun đó trong chương trình khác và có nội dung, thời lượng phù hợp với môn học, mô-đun trong chương trình đang học; được miễn học một phần nội dung học tập trong môn học, mô-đun và phải tham gia thi kết thúc môn học, mô-đun trong trường hợp đã học nội dung đó trong chương trình khác nhưng chưa dự thi kết thúc môn học, mô-đun hoặc thời lượng và nội dung môn học, môn đun trước đây chưa phù hợp với thời lượng và nội dung của môn học trong chương trình đào tạo hiện hành. Việc xác định nội dung và thời lượng được miễn học do hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề xuất của Phòng Đào tạo;

b) Hiệu trưởng xem xét công nhận những nội dung kiến thức, kỹ năng học sinh, sinh viên đã có trên cơ sở so sánh, đối chiếu với những nội dung của chương trình đào tạo hiện hành;

c) Việc công nhận kết quả, nội dung học được thực hiện theo từng môn học, mô-đun hoặc cả chương trình đào tạo;

d) Nhà trường công khai quy định việc công nhận kết quả và nội dung học tập trong chương trình đào tạo.

2. Học sinh, sinh viên được miễn trừ nội dung học tập không phân biệt hình thức đào tạo trực tiếp hay trực tuyến khi thuộc một trong những trường hợp sau:

a) Được miễn, giảm học môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng;

b) Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Giáo dục Chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng trong trường hợp đã tốt nghiệp từ trình độ tương đương trở lên hoặc có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp chương trình trung cấp lý luận chính trị hoặc tương đương trở lên;

c) Được miễn học, miễn thi kết thúc môn Ngoại ngữ thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng trong trường hợp đã tốt nghiệp từ trình độ tương đương trở lên hoặc đã có trình độ ngoại ngữ tương đương trình độ được quy định tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam hoặc có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp trình độ từ trung cấp ngoại ngữ trở lên;



d) Được miễn học, miễn thi kết thúc môn Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng trong trường hợp đã tốt nghiệp từ trình độ tương đương trở lên hoặc có kết quả kiểm tra đầu vào đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên nhóm ngành, nghề công nghệ thông tin;

đ) Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng trong trường hợp là thương bệnh binh, có thương tật hoặc bệnh mãn tính làm hạn chế chức năng vận động; trong thời gian học tại trường đạt giải nhất, nhì, ba hoặc đạt huy chương trong các đợt thi đấu thể thao cấp ngành hoặc từ cấp tỉnh trở lên;

e) Có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật được hiệu trưởng xem xét, quyết định cho miễn, giảm một số môn học, mô-đun hoặc miễn, giảm một số nội dung mà khả năng cá nhân không thể đáp ứng được.

## **Điều 26. Chuyển trường**

1. Học sinh, sinh viên chuyển trường theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thì việc chuyển trường được thực hiện theo quyết định của cơ quan ra quyết định. Việc ra quyết định chuyển trường phải có sự đồng ý bằng văn bản của học sinh, sinh viên.

2. Học sinh, sinh viên chuyển trường theo nhu cầu cá nhân thì việc chuyển trường được thực hiện theo quy định của trường nơi chuyển đi và trường nơi chuyển đến. Hiệu trưởng chỉ xét tiếp nhận hoặc cho học sinh, sinh viên chuyển trường khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có đơn đề nghị chuyển trường;

b) Không trong thời gian điều chỉnh tiến độ học, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Không chuyển trường khi đang học học kỳ cuối cùng của khóa học;

d) Khi chuyển sang trường nơi chuyển đến phải học đúng ngành, nghề đang học tại trường nơi chuyển đi.

3. Hiệu trưởng trường có học sinh, sinh viên xin chuyển đến quyết định việc tiếp nhận hoặc không tiếp nhận, học sinh, sinh viên ở trường nơi chuyển đến.

4. Thời gian tối đa cho học sinh, sinh viên chuyển trường hoàn thành chương trình được tính từ thời điểm nhập học ở trường nơi chuyển đi.

## **Điều 27. Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học, mô-đun**

Thực hiện theo Điều 12 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH.

## **Điều 28. Điều kiện dự thi kết thúc môn học, mô-đun**

Thực hiện theo Điều 13 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH.

**Điều 29. Học lại và thi lại**

Thực hiện theo Điều 14 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH.

**Điều 30. Ra đề thi, chấm thi kết thúc môn học, mô-đun**

Thực hiện theo Điều 15 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH.

**Điều 31. Tính điểm môn học, mô-đun; điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy**

Thực hiện theo Điều 16 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH.

**Điều 32. Xử lý vi phạm về kiểm tra, thi**

Thực hiện theo Điều 17 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH.

**Điều 33. Bằng tốt nghiệp, bảng điểm, giấy chứng nhận kết quả học tập**

1. Học sinh, sinh viên được công nhận tốt nghiệp thì được hiệu trưởng cấp bằng tốt nghiệp. Mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng được quy định tại Quy chế số 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng được sửa đổi, bổ sung bởi Quy chế số 24/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Bảng điểm từng môn học, mô-đun của toàn khóa học được cấp cho học sinh, sinh viên kèm theo bằng tốt nghiệp trong đó ghi rõ tên ngành, nghề đào tạo, hình thức đào tạo, kết quả và tên môn học, mô-đun được miễn trừ, bảo lưu điểm; điểm thi tốt nghiệp hoặc điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp đối với đào tạo theo niên chế; điểm trung bình chung học tập toàn khóa học, xếp loại tốt nghiệp.

3. Học sinh, sinh viên chưa được công nhận tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận kết quả học tập các môn học, mô-đun đã học trong chương trình, trong đó phải ghi rõ hình thức đào tạo và lý do chưa được công nhận tốt nghiệp.

4. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức trao bằng tốt nghiệp cho học sinh, sinh viên đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc môn thi tốt nghiệp cuối cùng đối với đào tạo theo niên chế hoặc kết thúc môn học, mô-đun cuối cùng trong chương trình đối với đào tạo theo tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

5. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật; Sản xuất và chế biến; Kiến trúc và xây dựng; Nông lâm nghiệp và thủy sản; Dịch vụ vận tải được công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành; các ngành, nghề còn lại được công nhận danh hiệu cử nhân thực hành.

**Điều 34. Quản lý hồ sơ, sổ sách đào tạo**

Thực hiện theo Điều 19 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH.

**Điều 35. Tổ chức lớp học**

Thực hiện theo Điều 20 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH và quy định

của nhà trường.

### **Điều 36. Xếp loại kết quả học tập**

1. Sau mỗi học kỳ hoặc năm học, học sinh, sinh viên được xếp loại kết quả học tập theo thang điểm 10 như sau:

- a) Loại xuất sắc: từ 9,0 đến 10;
- b) Loại giỏi: từ 8,0 đến 8,9;
- c) Loại khá: từ 7,0 đến 7,9;
- d) Loại trung bình: từ 5,0 đến 6,9;
- đ) Loại yếu: dưới 5,0.

2. Học sinh, sinh viên có điểm đạt loại giỏi trở lên bị hạ xuống một mức xếp loại nếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- a) Bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong học kỳ hoặc năm học được xếp loại kết quả học tập;
- b) Có 01 môn học hoặc mô-đun trong học kỳ, năm học phải thi lại đối với loại xuất sắc; có 02 môn học hoặc mô-đun trở lên trong học kỳ, năm học phải thi lại đối với loại giỏi (không tính môn học điều kiện; môn học, mô-đun được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ).

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính để xếp loại.

### **Điều 37. Điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học, tự thôi học**

1. Học sinh, sinh viên học chương trình có thời gian đào tạo từ 1,5 năm trở lên, kết thúc mỗi năm học, nếu thuộc một trong các trường hợp sau thì buộc phải điều chỉnh tiến độ và phải hoàn thành các môn học, mô-đun chưa đạt mới được xem xét, cho phép học tiếp các môn học, mô-đun mới; thời gian điều chỉnh tiến độ học được tính vào thời gian tối đa để hoàn thành chương trình quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH; gồm:

a) Học sinh, sinh viên có điểm trung bình chung năm học từ 4,0 đến dưới 5,0 điểm theo thang điểm 10;

b) Học sinh, sinh viên có điểm trung bình chung năm học dưới 4,0 nhưng có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật.

2. Học sinh, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kết thúc năm học có điểm trung bình chung dưới 4,0 điểm;
- b) Đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình quy định hoặc đã hết số lần được thi tốt nghiệp theo quy định định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH; nhưng điểm thi tốt nghiệp hoặc điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp chưa thuộc loại đạt;

c) Bị kỷ luật ở mức buộc thôi học.

3. Học sinh, sinh viên không thuộc diện bị buộc thôi học, nếu thuộc một trong các trường hợp sau được đề nghị trường cho thôi học:

a) Học sinh, sinh viên tự xét thấy không còn khả năng hoàn thành chương trình do thời gian còn lại không đủ để hoàn thành chương trình theo quy định;

b) Vì lý do khác phải thôi học kèm theo minh chứng cụ thể và được Hiệu trưởng chấp thuận.

4. Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành quy định cụ thể về thủ tục, quyền lợi, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của học sinh, sinh viên, bảo lưu kết quả học tập và quyết định việc điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học và tự thôi học của học sinh, sinh viên.

#### **Điều 38. Kế hoạch và tổ chức các hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp**

Thực hiện theo Điều 23 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH, và quy định của nhà trường.

#### **Điều 39. Điều kiện dự thi và số lần dự thi tốt nghiệp**

Thực hiện theo Điều 24 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH, và quy định của nhà trường.

#### **Điều 40. Chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp**

Thực hiện theo Điều 25 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH, và quy định của nhà trường.

#### **Điều 41. Điều kiện tốt nghiệp**

1. Học sinh, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

a) Điểm của mỗi môn thi tốt nghiệp hoặc điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10;

b) Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Hoàn thành các điều kiện khác theo quy định của trường.

2. Trường hợp học sinh, sinh viên có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho học sinh, sinh viên đó.

3. Trường hợp học sinh, sinh viên bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

4. Chậm nhất sau 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thi tốt nghiệp hoặc ngày bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, hội đồng xét tốt nghiệp tổ chức xét tốt nghiệp cho học sinh, sinh viên. Chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày xét

tốt nghiệp cho học sinh, sinh viên, hội đồng xét tốt nghiệp trình hiệu trưởng danh sách học sinh, sinh viên đủ điều kiện, không đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp.

5. Chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày hội đồng xét tốt nghiệp có đề nghị, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp cho học sinh, sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

#### **Điều 42. Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp**

Thực hiện theo Điều 27 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH, và quy định của nhà trường.

#### **Điều 43. Ứng dụng thông tin trong tổ chức đào tạo**

Thực hiện theo Điều 37 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH, và quy định của nhà trường.

#### **Điều 44. Chế độ báo cáo**

1. Sau mỗi học kỳ, năm học các phòng, khoa, đơn vị theo chức năng nhiệm vụ báo cáo Hiệu trưởng các nội dung sau:

a) Tình hình biến động học sinh, sinh viên, số lượng học sinh, sinh viên các lớp; danh sách học sinh, sinh viên không đủ điều kiện tiếp tục học, kết quả điểm tổng kết các môn học trong học kỳ, trong năm học; kết quả xếp loại của từng học sinh, sinh viên; danh sách học sinh, sinh viên đề nghị khen thưởng, kỷ luật, danh sách học sinh, sinh viên đề nghị xóa tên;

b) Báo cáo danh sách học sinh, sinh viên học lại, học bù, kiểm tra lại các môn học, đề xuất hình thức, thời gian tổ chức học lại, kiểm tra bổ sung.

2. Hàng năm, các phòng, khoa theo chức năng nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh, các Sở ban ngành liên quan về tình hình đào tạo của Trường tính đến ngày 31 tháng 12 hàng năm, báo cáo gửi trước ngày 10 tháng 01 của năm tiếp theo. Báo cáo bao gồm ít nhất các nội dung sau:

a) Số lượng cán bộ quản lý và giáo viên theo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; diện tích đất đai, cơ sở vật chất;

b) Chỉ tiêu tuyển sinh đã đăng ký, số lượng học sinh, sinh viên trúng tuyển và nhập học; số lượng học sinh, sinh viên được công nhận tốt nghiệp, không được công nhận tốt nghiệp trong năm theo ngành, nghề đào tạo, trình độ đào tạo, theo phương thức đào tạo hình thức đào tạo, liên kết đào tạo, đào tạo theo địa chỉ, địa điểm đào tạo;

c) Tình hình cấp phát bằng tốt nghiệp: số lượng phôi bằng tốt nghiệp đã sử dụng để cấp cho học sinh, sinh viên trong năm theo hình thức đào tạo và ngành, nghề đào tạo; số lượng phôi bằng tốt nghiệp phải hủy do ghi sai nội dung; số lượng phôi bằng tốt nghiệp bị hư hỏng, bị mất trong quá trình bảo quản, lưu trữ;

d) Tình hình khen thưởng và kỷ luật hoặc xử lý sai phạm đối với trường, viên chức và học sinh, sinh viên trong trường (nếu có);

đ) Những thuận lợi, khó khăn, hạn chế và đề xuất;

e) Kèm theo báo cáo bao gồm: bản sao quyết định phê duyệt kèm danh sách học sinh, sinh viên nhập học hoặc phân lớp và bản sao quyết định kèm theo danh sách, điểm tổng hợp kết quả học tập của học sinh, sinh viên được công nhận, không công nhận tốt nghiệp trong năm báo cáo. Báo cáo phải được đóng thành quyển và đóng dấu giáp lai của Trường

## Phần IV

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### **Điều 45. Trách nhiệm của các đơn vị**

1. Căn cứ Quy chế này và các Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH; Thông tư số 07/2023/TT-BGDĐT, các đơn vị trong nhà trường xây dựng và tham mưu xây dựng ban hành các Quy chế, Quy định cụ thể hóa về công tác chuyên môn cho đơn vị và nhà trường nhưng không trái với các quy định của Quy chế này ban hành để thực hiện.

2. Trước khi bắt đầu khóa học, phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng, mục tiêu, khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà học sinh, sinh viên cần đạt sau khi tốt nghiệp; chương trình của từng ngành, nghề cụ thể; quy chế đào tạo; kế hoạch đào tạo đối với khóa học, năm học; thời gian dự kiến thi tốt nghiệp; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp.

3. Trong quá trình thực hiện, tùy theo điều kiện thực tế, các phòng, khoa, ban đề xuất ý kiến Hiệu trưởng xem xét để bổ sung, chỉnh sửa Quy chế đào tạo này phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo./. 

